

Tên sông Tô Lịch do đâu mà có? Theo sách “Việt điện u linh” thì Tô Lịch là tên một vị thủ lĩnh làng Hà Nội.



Một đoạn sông Tô Lịch ngày nay

Tô Lịch là nhánh của sông Nhĩ Hà, là dòng sông cổ của Thăng Long, vì thế sách xưa và nay đều nói: Tô Lịch là sông quê hương của người Hà Nội:

*Sông Tô nước chảy quanh co.*

*Cầu Đông sương sớm, Quán Giò trăng khuya.*

Sông Tô xưa nước đầy ắp, dân Kẻ Chợ sống ở hai bên bờ sông buôn bán tấp nập, trên bến dưới thuyền.

*Nước sông Tô vừa trong vừa mát,*

*Em ghé thuyền đỗ sát thuyền anh...*

Sông Tô bắt nguồn từ sông Hồng, là nhánh của sông Hồng. Nhưng trước thế kỷ XI, ở lưu vực Hà Nội bấy giờ, sông Tô có hai cửa, cửa phía Bắc Hồ Tây và Cửa Hương Bài chợ Gạo, gọi là Cửa Giang Khẩu, sau đổi thành Hà Khẩu. Qua khảo sát địa lý, thì nguồn vào của sông Tô là Cửa Thiên Phù (Bắc Hồ Tây), còn Giang Khẩu là cửa ra của một nhánh sông Tô.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, sông Tô mang nhiều tên khác nhau: Tô Lịch, Lai Tô, Hương Bài, Địa Bảo nhưng người Hà Nội thường gọi một cách thân thương: Sông Tô.

Tên sông Tô Lịch do đâu mà có? Theo sách “Việt điện u linh” thì Tô Lịch là tên một vị thủ lĩnh làng Hà Nội (cách gọi của Giáo sư Trần Quốc Vượng). Tô Lịch có nhiều công với dân làng nên khi ông mất, làng Hà Nội gốc được mang tên ông, rồi được phong là Long Đỗ Thần hay Tô Lịch Giang Thần.

Về mùa mưa lũ, nước trong đồng đổ dồn vào Sông Tô và thường cao hơn nước Sông Hồng nên dòng nước sông Tô chảy vào sông Hồng; bọn đô hộ phương Bắc không biết nên gọi là sông “nghịch thủy”. Chúng đã tổ chức lễ tế Tô Lịch Giang Thần ở Đền Bạch Mã và phong ông là “Đô Phủ Thành Hoàng Thần Quân”.

Lại có thuyết nói rằng, vào năm 864-873, Cao Biền làm Tĩnh hải Vương quân Tiết độ sứ An Nam Đô hộ phủ, đóng quân ở vùng đất Phật tích. Một hôm Biền đi du ngoạn xem phong thủy có gặp một ông già hình nhân kỳ dị từ lòng sông bước lên. Cao Biền liền đón hỏi; ông già nói: “Lão phu họ Tô, tên Lịch, quê ở gần đây” rồi phút chốc biến mất. Cao Biền biết đây là Thần sông và đặt tên là sông Tô Lịch.

Dòng sông Tô đã có ít nhất là 3 nơi được sử sách nhắc tới như là một địa danh lịch sử: Đó là cửa sông Tô (cửa ra) ở Phường Giang Khẩu.

Vào thế kỷ VIII, IX bên bờ Nam sông Tô, nhánh chảy qua vùng đất nội thành bây giờ, lần lượt xuất hiện 3 tòa thành: Thành Giao Châu hay thành Giao Chỉ tức La Thành, có cửa mở ra sông Cái, gọi là Đông La Môn.

Thành thứ hai là Từ Thành (Thành Con) nằm trong La Thành. Đến năm 858, thành này được mở rộng, bên ngoài rào bằng tre trúc, nên có tên là thành Lạc Trúc và đều ở bên bờ sông Tô Lịch, nên gọi là thành Tô Lịch. Đây cũng là phần đất của thành Thăng Long thời Lý - Trần.

Địa danh quan trọng nhất bên bờ sông Tô, đó là ngã ba sông Thiên Phù - Tô Lịch có Bến Hồng Tân (vùng Chợ Bưởi bây giờ). Trên đường từ Hoa Lư về thăm quê ở Cổ Pháp, Vua Lý Công Uẩn đã dừng thuyền ngự tại đây và nhận ra thế đất “Dung nghiệp để vương cho muôn đời”. Và cũng chính tại đây, sau Chiêu dời đô, vào mùa thu, tháng bảy năm Canh Tuất (1010), thuyền ngự với chiến thuyền của văn võ bá quan hộ tống từ Hoa Lư, Vua Lý Thái Tổ đã ngược dòng cập bến Đại La, tức bến Hồng Tân. Dân vùng Bưởi đón nhà Vua với lụa là, gấm vóc và nhiều sản vật quý, sau được nhà Vua ban tặng tên làng Nghĩa Đô và Bái Ân.

Từ ngày Lý Thái Tổ định đô ở Thăng Long và trải qua các triều Lý - Trần - Lê, sông Tô Lịch có một sức sống mạnh mẽ, phong phú.

Trước hết, hai bên sông xuất hiện nhiều làng, dân cư đông đúc, kinh tế phát triển, nhiều công trình kiến trúc, chủ yếu là chùa, quán và cũng tại hai triền sông Tô này, xuất hiện những danh nhân văn hóa đất nước. Bên tả ngạn gồm phần đất của 2 huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận, ngoài thành nội, còn có 61 phường thợ thủ công, dân Thập tam trại, từ Lê Mật sang khai khẩn, trồng lúa, rau, hoa; dân Kẻ Láng có sản vật húng Láng nổi tiếng suốt mấy đời nay.

*Vải Quang, húng Láng, ngổ Đàm*

*Cá rô Đàm Sét, sâm cầm Hồ Tây.*

Ngoài các sản phẩm nông nghiệp, dân cư ven sông Tô còn các nghề thủ công nổi tiếng như Nghia Đô, An Thái, Đông Xã. Các làng Trích Sài (Kiếm cùi) nổi tiếng về nghề dệt thổ cẩm (lĩnh tía). Tương truyền nghề này được Công chúa Ngọc Đô (Chiêm Thành) truyền dạy cho dân làng. Ngọc Đô là nàng Công chúa được Vua Chiêm “Cống phẩm” tặng Vua Lê Thánh Tông. Sau bà về an trí tại Làng Trích Sài, mở phường dệt lĩnh tía và nghề đó truyền mãi về sau. Bái Ân, Nghia Đô có nghề dệt lụa lĩnh nổi tiếng từ ngàn xưa. Dân huyện Long Đàm xưa có nhiều làng xã nằm ven sông Tô, có các nghề nổi tiếng như dưa cà làng Gừng, kim hoàn ở Định Công Thượng, nghề làm quạt và kẹo bột bóng gạo ở Kim Lũ, Làng Ngẫu có nghề nấu rượu, Tứ Kỳ làm bún đã mấy trăm năm...

Độc hai bờ sông Tô xưa từ Bưởi đến Chợ Gạo và từ Bưởi đến Thanh Trì, Thường Tín có nhiều làng cổ, mỗi làng đều có đầy đủ thiết chế đình đền, chùa, tính sơ bộ có tới cả trăm đình, đền, chùa, miếu. Nhưng nổi tiếng nhất có Đền Bạch Mã thờ Tô Lịch Giang Thần, Đền Quán Thánh thờ thần Trấn Vũ, Đền Đồng Cổ làng Đông Xã, thờ thần Đồng Cổ và từ thời Lý Phật Mã mở hội thể hàng năm gọi là Hội thể Đền Đồng Cổ: “Lâm con bắt hiểu, làm tôi bắt trung, thần minh tru diệt”.

Ở vùng Bưởi còn có Đình An Thái thờ ông Dầu, bà Dầu, tương truyền là người hy sinh thân mình cứu Vua Lý Anh Tông - người có công đánh giặc Tống trên sông Như Nguyệt. Vùng Kẻ Cốt, Kẻ Mọc có rất nhiều đình chùa thờ các nhân thần có công với nước và có các dòng họ nổi tiếng về khoa bảng. Làng An Lãng có “Chiêu Thiền Tự” (tức Chùa Láng), gắn liền với tên tuổi thiền sư Từ Đạo Hạnh, một nhà sư, một nghệ sỹ chèo.

Kim Lũ là quê hương của danh nhân văn hóa Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Công Thái và Nguyễn Trọng Hợp.

Vùng Thanh Liệt, Hoàng Liệt, Tam Hiệp gắn liền với tên tuổi danh tướng Phạm Tu, võ tướng trong cuộc khởi nghĩa Lý Bí, thế kỷ VI. Nơi đây còn có nhà giáo Chu Văn An, bậc túc Nho thời Trần, xin chém 7 viên quan đại thần gian tham. Trên đất trang Cung Hoàng xưa, bên bờ sông Tô, Chu Văn An đã từng mở trường dạy học; nơi đây có văn chỉ Chu Văn An cùng với bia 30 vị khoa bảng của huyện Thanh Trì. Đối diện với văn chỉ Chu Văn An, bên này sông Tô, trên đất Bằng Liệt xưa là Miếu Xạ Can (miếu trừ nạn hạn hán), gọi Nôm là Miếu Gàn, thờ người học trò thủy thần của Chu Văn An. Nghe lời thầy, người học trò này đã dùng bút mực cầu đảo trời mưa chống hạn, cứu lúa cho cả vùng. Truyền thuyết về người học trò thủy thần đã trở thành tín ngưỡng văn hóa của dân vùng hồ Linh Đàm. Hồ này cũng là đầu tích của Sông Tô, giống như Hồ Tây là đầu tích của sông Hồng.

Đời sống sông Tô thật phong phú. Nó chứa đầy ắp những sự tích và di tích lịch sử văn hóa. Tiếc thay sông Tô nay đã trở thành con sông “Chết”, một ao tù dài vì mất nguồn, do sông Hồng đổi dòng, do đắp đê Cơ Xá chặn cửa sông và do san lấp xây dựng phố phường... cùng nhiều nguồn nước thải không qua xử lý đổ vào sông.

Giả như mai đây, sông Tô Lịch khơi nguồn, trả lại sức sống cho nó bằng cách làm kênh dẫn nước từ sông Nhuệ vào sông Tô, có thể từ Cổ Nhuệ về Nghia Đô hoặc từ Cầu Diễn về Cầu Giấy. Hoặc từ sông Hồng vào sông Tô qua trạm bơm Nhật Tân dẫn nước trên nền cũ sông Thiên Phù về Nghia Đô. Đó là ước mơ về sự bảo tồn vô giá đối với con sông thơ mộng mang nhiều kỷ tích này.

Theo *Thanglong.chinhphu.vn*